TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HNGĐ -ST
Ngày 29/9/2017
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Minh và ông Phạm Phúc Ân.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương*** *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại nhà văn hoá khu dân cư NT2, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 227/2017/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30 ngày 8 tháng 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm 1981 *(có mặt tại phiên tòa).*

Nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã VĐ, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Thôn 5, xã KÁ, huyện MH, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn B (tên gọi khác Vũ Chí B), sinh năm 1975.

Trú tại: Thôn K, xã VĐ, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản ghi lời khai nguyên đơn và bị đơn trình bày: Chị T và anh B quen nhau tại Hải Dương, anh chị tự nguyện chung sống với nhau được 03 năm ở Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk sau đó anh chị chuyển ra Hải Dương sinh sống và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/7/2007 tại UBND xã VĐ, thị xã C. Anh chị không tổ chức đám cưới. Anh chị chung sống tại nhà mẹ đẻ anh Biểu tại thôn K, xã VĐ, thị xã C.

Chị T trình bày: Ngay từ những ngày đầu về nhà anh B chung sống vợ chồng đã không có hạnh phúc. Do mẹ đẻ anh B không đồng ý cho chị và anh B kết hôn nên khi về chung sống cùng nhà giữa chị và mẹ anh B liên tục xảy ra mâu

thuẫn. Cả mẹ và em gái anh B đều đánh chửi chị. Mẹ đẻ anh B còn cho cả thuốc độc vào gà và vịt của chị nuôi làm cho gà vịt chết hết. Cả mẹ chồng và em chồng đều nói với chị T là " nếu mày sống trong gia đình này thì suốt đời này chỉ làm con chó thôi chứ không được làm người", em gái anh B còn gọi chị T là " mày" chứ không gọi bằng "chị". Với anh B cũng vậy, anh thường vô cớ chửi mắng và đánh chị.Vợ chồng không chung quan điểm làm ăn vun đắp hạnh phúc gia đình. Anh B thường xuyên ghen tuông, nghi ngờ chị không chung thủy.Chị đi làm xa anh B liên tục điện thoại nói năng xúc phạm chị. Chị đã bỏ nhà đi một vài lần nhưng sau đó do con chung còn nhỏ nên chị lại quay về chung sống nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Cuộc sống cứ thế kéo dài đến năm 2015 chị không thể chịu đựng được nữa nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay. Anh B cũng không tìm đón chị về. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh B.

Anh B trình bày: Quá trình vợ chồng chung sống từ khi kết hôn được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh nghi ngờ chị T không chung thủy, đi làm không cho anh biết địa điểm làm việc, điện thoại thì toàn tắt máy không liên lạc. Về nhà thì anh có hỏi chuyện tiền lương cũng không cho anh biết. Anh đã không đồng ý cho chị T đi làm nữa nhưng chị T vẫn cứ đi. Vợ chồng vì thế cãi nhau liên tục. Một nguyên nhân nữa là do mâu thuẫn giữa mẹ đẻ anh và chị T. Hai người cãi nhau liên tục, mỗi lần như vậy chị T chửi và cãi láo với mẹ anh nhiều lần, anh góp ý chị T không nghe do đó cuộc sống chung rất căng thẳng. Ngày 16.7.2015 đợi lúc anh không có nhà, chị T thu dọn quần áo bỏ nhà đi, đi đâu không cho anh biết. Đến khoảng tháng 4.2016 chị T đến trường học đón con đi luôn cũng không cho anh biết. Anh đã phải đi tìm ở Quảng Ninh, mãi ngày hôm sau chị T mới gọi điện thông báo cho anh biết. Thực tế từ ngày chị T bỏ đi anh không biết chị T đi đâu mà tìm đón. Từ khi đón con theo chị T nói dối anh là cho con đi chơi, hết ngày chủ nhật thì sẽ đưa về nhưng sau đó chị T tắt máy, anh không liên lạc được nữa. Nay anh xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn nhưng anh không đồng ý ly hôn, anh đề nghị tòa án hòa giải để vợ chồng về chung sống với nhau.

Về con chung: Chị và anh B đều xác định vợ chồng có một con chung là Vũ Chí M, sinh ngày 27/7/2007, cháu M hiện đang ở với chị T. Nếu vợ chồng ly hôn cả hai anh chị đều cùng có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T và anh B đều trình bày thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho anh B, anh B đã biết việc Tòa án thụ lý và đang giải quyết vụ án nhưng không đến Tòa án tham gia hũa giải. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải đối với vụ án được.

Tại phiên toà:

Chị T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh B, đề nghị giao cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị T ly hôn anh Vũ Văn B (tên gọi khác: Vũ Chí B).

Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Vũ Chí M, sinh ngày 27/7/2007 cho chị Lương Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T, không yêu cầu anh Vũ Văn B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Tuyết phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Lương Thị T khởi kiện xin ly hôn đối với anh Vũ Văn B (tên gọi khác: Vũ Chí B) có địa chỉ cư trú tại xã VĐ, thị xã C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Biểu là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Biểu.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh B kết hôn ngày 08/7/2007 trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VĐ, thị xã C nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh B không tin

vào sự chung thủy của chị T, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và cách thức tổ chức gia đình trong khi kinh tế có khó khăn làm nảy sinh mâu thuẫn và có những lời lẽ xúc phạm, không tôn trọng nhau. Anh B thường xuyên chửi và đánh chị. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng và anh chị đã ly thân từ tháng 7 năm 2015 đến nay và anh chị đều xác định vợ chồng không còn tình cảm. Xét mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh B không đồng ý ly hôn nhưng bản thân anh B cũng không có biện pháp tích cực để cải thiện quan hệ vợ chồng, anh đề nghị tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ với nhau nhưng khi tòa án triệu tập anh lại vắng mặt không có lý do trong nhiều buổi làm việc. Việc anh B không đồng ý ly hôn là không chính đáng nhằm gây khó khăn cho chị T. Do vậy yêu cầu ly hôn của chị T phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh B đều có nguyện vọng nuôi con chung. Xét nguyện vọng nuôi con của cả hai anh chị là chính đáng. Từ khi vợ chồng anh chị ly thân đến nay cháu M vẫn do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Hiện cháu phát triển khỏe mạnh bình thường. Chị T lao động tự do, thu nhập trung bình khoảng 6 triệu đồng/tháng. Thời gian làm việc giờ hành chính nên chị có thời gian chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Mặt khác bố mẹ đẻ chị T bán hàng tại nhà có thời gian và kinh tế hỗ chị trong việc chăm sóc con. Hiện tại anh B đi làm ăn xa nhà, nhà chỉ có mẹ đẻ gần 80 tuổi già, yếu ở nhà một mình không thể có điều kiện chăm sóc con chung được, tại phiên tòa anh B vắng mặt do đó đề nghị của anh B giao con chung là cháu M cho anh trực tiếp nuôi dưỡng là không hợp lý, không có căn cứ để chấp nhậ n. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị, đây là ý chí tự nguyện của chị nên cần phải được chấp nhận.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị T và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị T ly hôn anh Vũ Văn B (tên gọi khác: Vũ Chí B).

- Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Vũ Chí M, sinh ngày 27/7/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh Biểu phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Vũ Văn B (tên gọi khác: Vũ Chí B) có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Chị T và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/000084 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh. Chị Lương Thị T đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Chị Lương Thị T có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Văn B (tên gọi khác: Vũ Chí B) vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Chí Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Văn Đức, thị xã Chí Linh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Hằng